

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2019/DS-ST
Ngày 08/4/2019
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG, TỈNH TUYÊN QUANG**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Mạnh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Hữu Bình và bà Lý Thuý Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Triệu Thị Thuý Tình - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 05 và 08 tháng 4 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 84/2018/DS-ST, ngày 11/10/2018 về “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2018/QĐXXST-DS, ngày 13/11/2018, giữa:

*** Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thanh H, sinh năm 1971;

Địa chỉ: Số nhà 2, tổ 1, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

*** Bị đơn:** Anh Đặng Viết X, sinh năm 1979;

Chị Hà Thị Thu T, sinh năm 1981;

Cùng địa chỉ: Số nhà 9, tổ 3, phường M, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Anh X, chị T đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thanh H trình bày: Chị và anh Đặng Viết X có mối quan hệ quen biết đã lâu, thấy anh X cần vốn làm ăn có nhu cầu bán xe ô tô BKS 22A – 044.61 với số tiền 500.000.000 đồng, chị có nhu cầu mua xe ô tô để sử dụng, ngày 17/12/2017 chị và anh X có lập Hợp đồng mua bán xe viết tay, chị trả trước cho anh X 150.000.000đ, anh X có đưa cho chị 01 bảo hiểm xe ô tô 01

đăng kiểm và bộ hồ sơ vay Ngân hàng là 350.000.000đ. Sau đó anh X có viết giấy mượn lại xe ô tô hên đến ngày 05/01/2018, chị trả nốt số tiền 350.000.000đ và anh X bàn giao xe, làm thủ tục công chứng sang tên ô tô cho chị. Nhưng đến hên anh X không mang xe trả cho chị mà đến nhà chị xin khát và viết giấy hên đến 11/01/2018 sẽ bàn giao xe và làm thủ tục sang tên cho chị. Sau đó anh X không thực hiện theo cam kết, chị đã gọi điện và tìm anh X nhiều lần để giải quyết, đến ngày 05/3/2018 anh X có đến nhà chị xin khát một lần nữa đến ngày 15/3/2018, nhưng qua ngày 15/3/2018 anh X cũng không trả xe và làm thủ tục sang tên cho chị. Nên ngày 28/3/2018 chị có đến nhà anh X, gặp anh X và chị Hà Thị Thu T (vợ anh X) yêu cầu trả lại số tiền 150.000.000 đồng. Anh X, chị T đề nghị chuyển khoản tiền này sang mục đích vay tiền để nhập sữa, chị đồng ý, anh X và chị T có viết giấy biên nhận vay tiền số tiền 150.000.000 đồng, hai bên không thoả thuận lãi suất nhưng có thoả thuận thời hạn trả tiền thành 02 lần, lần một anh X, chị T trả cho chị 50.000.000 đồng vào ngày 06/4/2018, lần 2 trả số tiền còn lại 100.000.000 đồng vào ngày 03/6/2018. Khi viết giấy vay tiền anh X, chị T có cam kết tài sản bảo đảm cho món nợ trên là nhà đất đã được cấp GCNQSD đất mang tên Đặng Viết X (chủ hộ) và Hà Thị Thu T tại tổ 3, phường M. Tại thời điểm vay anh X, chị T cam kết chỉ vay của Ngân hàng 1.050.000.000đ, nếu không trả được nợ thì phải bán căn nhà trên theo giá thị trường để trả nợ cho chị. Nhưng đến hên anh X và chị T không trả được cho chị được số tiền nào, nhiều lần gọi điện yêu cầu nhưng anh X và chị T cứ khát lần không trả tiền cho chị. Nay chị khởi kiện yêu cầu Toà án buộc anh Đặng Viết X và chị Hà Thị Thu T phải có nghĩa vụ trả cho chị số tiền gốc 150.000.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất Ngân hàng nhà nước công bố 0,75%/tháng tính từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả tiền đến ngày xét xử. Cụ thể: Tiền lãi của số tiền gốc 50.000.000đ x 0,75% x 01 tháng 26 ngày (từ ngày 07/4/2018 đến ngày 03/6/2018) = 700.000 đồng; tiền lãi của số tiền gốc 150.000.000đ x 0,75% x 10 tháng (từ ngày 04/6/2018 đến ngày 5/4/2019 tính tròn là 10 tháng) = 11.250.000đ. Tổng tiền lãi là 11. 950.000 đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi là 161.950.000 đồng, anh X và chị T mỗi người trả ½ số tiền cho chị.

Ngoài ra một số lần anh X có vay tiền của chị, vay nhiều lần chị không nhớ cụ thể thời gian vay và số tiền vay và không viết giấy tờ gì vì số tiền vay không nhiều, các lần vay này anh X đã trả hết cho chị qua tài khoản Ngân hàng. Đối với số tiền 10.000.000 đồng anh X bảo trả lãi cho chị vào ngày 06/4 tại Quảng trường Nguyễn Tất Thành là không đúng, chị không được nhận. Đối với bộ bàn ghế và chiếc ti vi anh X trình bày với chị là anh X bị bắt xe ô tô ở Lạng Sơn cần tiền chuộc xe thiếu 30.000.000đ, anh X bán cho chị, chị nhất trí mua lại chiếc ti vi và bộ bàn ghế, chị đã trả tiền luôn cho anh X 30.000.000 đồng. Sau đó chị nhờ anh trai chị là Nguyễn Công B lên nhà anh X lấy bộ bàn ghế và chiếc ti vi về. Bộ bàn ghế và chiếc ti vi không liên quan đến khoản nợ trên.

- Tại bản tự khai và biên bản ghi lời khai, biên bản làm việc tại Cơ quan Công an thành phố Tuyên Quang anh Đặng Viết X trình bày (Bút lục 38 – đến 50): Giữa anh và chị H có mối quan hệ quan biết từ trước, ngày 10/7/2017 anh đến nhà chị H vay số tiền 100.000.000 đồng để nhập hàng bột sữa về cung cấp cho các đại lý thành phố Tuyên Quang, thỏa thuận lãi suất là 5.000.000đ/ một tuần, anh Viết giấy vay tiền xong đưa cho chị H, chị H đưa cho anh 95.000.000đ (trừ luôn 5.000.000 đồng tiền lãi lần đầu tiên), đến hạn trả lãi của tuần kế tiếp anh đến trả lãi trực tiếp cho chị H nhưng không viết giấy tờ biên nhận và những lần trả lãi kế tiếp cho chị H anh chuyển khoản qua tài khoản IPAY tại Ngân hàng Viettinbank. Khi việc làm ăn không thuận lợi, không trả được gốc và lãi tiếp cho chị H, ngày 17/12/2017 anh đến nhà chị H xin khất nợ, chị H yêu cầu anh viết giấy bán xe ô tô, nội dung thể hiện anh bán xe ô tô BKS: 22A-04461 cho chị H với giá 500.000.000 đồng, chị H đặt cọc trước số tiền 150.000.000đ và để lại cho chị H 01 giấy chứng nhận kiểm định xe, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện của chủ xe ô tô mang tên Đặng Viết X và 01 bộ hồ sơ hợp đồng thế chấp tài sản xe ô tô BKS: 22A-04461 của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tuyên Quang (bản phô tô). Anh không nhớ cụ thể đã trả cho chị H được bao nhiêu tiền, nhưng anh đã trả khoảng 160.000.000 đồng tiền lãi và tiền phạt quá hạn, trong đó có một số tiền lãi anh chuyển khoản qua Ngân hàng Viettinbank. Sau đó anh không trả được nợ, ngày 06/3/2018 anh đến khất nợ chị H nói nhà anh có tài sản gì có giá trị để bắt nợ, anh nói có bộ bàn ghế trị giá 50.000.000 đồng và 01 chiếc ti vi trị giá 14.000.000 đồng, đến ngày 07/3/2018 anh B (em cậu của chị H) đi ô tô lên bắt nợ bộ bàn ghế và chiếc ti vi, việc chị H bảo anh Bình lấy bộ bàn ghế và chiếc ti vi được sự đồng ý của anh, nhưng giữa anh và chị H chưa thỏa thuận gì về giá cả bộ bàn ghế và chiếc ti vi. Sau nhiều lần khất nợ chị H không đồng ý, ngày 28/3/2018 vợ chồng chị H và anh T lên nhà anh yêu cầu anh viết lại giấy vay tiền tổng cả gốc và lãi là 150.000.000 đồng và không trả lại anh giấy tờ gốc anh đã viết trước đó, ngày 06/04 anh có trả cho chị H 10.000.000 đồng, tại khu quảng trường Nguyễn Tất Thành, hai vợ chồng anh xin trả nợ dần dần cho chị H.

Quá trình làm ăn do thiếu tiền anh có vay của anh Lưu Đức C ở phường P số tiền 250.000.000 đồng, nên ngày 08/6/2018 anh đã bán cho anh C chiếc xe ô tô BKS: 22A-04461 với giá 560.000.000đ, anh C trả cho nợ cho anh khoản vay tại Ngân hàng 310.000.000 đồng cộng với khoản anh vay của anh C 250.000.000 đồng, nên anh đã làm thủ tục chuyển quyền sở hữu chiếc xe ô tô cho anh C xong.

- Tại bản tự khai chị Hà Thị Thu T trình bày: Chị là vợ của anh Đặng Viết X, tại giấy biên nhận vay tiền đề ngày 28/3/2018 do anh Đặng Viết X viết và ký, nội dung vợ chồng chị có vay của chị Nguyễn Thanh H số tiền là 150.000.000 đồng, về thời hạn trả theo như giấy vay tiền là đúng, tại giấy vay tiền có chữ ký chị. Tuy nhiên số tiền trên vợ chồng chị đã trả 10.000.000 đồng, chị không nhớ thời gian trả tiền và chị cũng không lưu giữ giấy trả tiền vì chồng chị là người trả tiền cho chị H. Do công việc làm ăn của vợ chồng chị gặp khó khăn nên vợ chồng chị chưa trả đủ tiền cho chị H theo cam kết các lần trả nợ của giấy vay

tiền. Ngoài số tiền đã trả 10.000.000 đồng, chị H còn đến nhà chị lấy đi 01 bộ bàn ghế gỗ trị giá 50.000.000 đồng và 01 chiếc ti vi trị giá 10.000.000 đồng, khi lấy chồng chị có nhà, việc chị H lấy đồ không có biên bản thoả thuận và không có giấy tờ gì. Vợ chồng chị đã nhận được thông báo thụ lý vụ án và 02 lần thông báo kiểm tra đối chiếu việc giao nộp kiểm tra chứng cứ và hoà giải của Toà án, nhưng do 02 vợ chồng chị bận không đến Toà án được. Nay chị H kiện vợ chồng chị trả số tiền 150.000.000.đồng, chị đồng ý trả tiền cho chị H với phương thức trả dần hàng tháng. Số tiền 150.000.000 đồng trừ đi 50.000.000 đồng bộ bàn ghế + ti vi và 10.000.000 đồng tiền mặt, số tiền còn lại là 90.000.000 đồng, chị xin trả dần hàng tháng.

Do chị H và anh X xảy ra tranh chấp khoản nợ 150.000.000 đồng, nên tháng 7/2018, chị H đã làm đơn đề nghị Cơ quan Công an giải quyết. Quá trình giải quyết đơn, Công an thành phố Tuyên Quang xác định nội dung đơn tố giác của chị H không có sự việc phạm tội, nên chị H làm đơn khởi kiện vụ án dân sự tại Toà án nhân dân thành phố Tuyên Quang.

Về tài liệu, chứng cứ: Quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thanh H cung cấp 01 giấy bán, cho tặng xe đề ngày 17/12/2017 (bản gốc), 01 giấy mượn xe ô tô đề ngày 5/1/2018 (bản gốc), 01 giấy hẹn trả xe đề ngày 5/3/2018 (bản gốc), 01 giấy biên nhận vay tiền đề ngày 28/3/2018 (bản gốc). Anh Đặng Viết X và chị Hà Thị Thu T không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Th- ký Toà án từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, của Hội đồng xét xử từ khi mở phiên toà đến khi kết thúc đều thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; nguyên đơn sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự; Về việc giải quyết vụ án, căn cứ giấy biên nhận vay tiền đề ngày 28/3/2018 đủ cơ sở xác định anh Đặng Viết X và chị Hà Thị Thu T có nợ chị Nguyễn Thanh H số tiền là 150.000.000 đồng. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thanh H, buộc anh Đặng Viết X và chị Hà Thị Thu T có nghĩa vụ trả cho chị H tổng số tiền gốc và lãi là 161.950.000 đồng, chia ra anh X và chị T mỗi người trả $\frac{1}{2}$ số tiền cho chị H. Đối với ý kiến của anh X và chị T xác định là đã trả cho chị H một số tiền và 01 bộ bàn ghế + 01 ti vi, nhưng không xuất trình tài liệu chứng cứ chứng minh trả vào số tiền của giấy biên nhận vay tiền đề ngày 28/3/2018, chị H không thừa nhận, nên không có căn cứ chấp nhận trong vụ án này, nếu anh X và chị T có căn cứ thì có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác. Anh X, chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật và tố tụng: Ngày 17/12/2017 chị Nguyễn Thành H và anh Đặng Viết X, chị Hà Thị Thu T có lập Hợp đồng bán, cho tặng xe viết tay, chị H đã trả trước cho anh X, chị T 150.000.000đ, anh X không chuyển giao quyền sở hữu xe ô tô cho chị H, nên việc mua bán xe ô tô không thành. Đến ngày 28/3/2018 chị H và anh X, chị T thống nhất chuyển khoản tiền mua bán ô tô thành khoản tiền vay nợ, mục đích là để nhập hàng sữa bột, anh X và chị T có viết giấy biên nhận vay tiền, không thoả thuận lãi suất, có thoả thuận thời hạn trả tiền. Đến hạn trả tiền anh X, chị T không trả tiền cho chị H, nên chị H đã khởi kiện yêu cầu anh X, chị T trả số tiền trên. Như vậy xác định quan hệ pháp luật là kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Đặng Viết X và chị Hà Thị Thu T, nhưng anh X và chị T đều vắng mặt không có lý do nên Toà án tiến hành xét xử vắng mặt anh X và chị T theo thủ tục chung.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện: Căn cứ vào giấy bán, cho tặng xe đề ngày 17/12/2017, giấy mượn xe ô tô đề ngày 5/1/2018, giấy hẹn trả xe đề ngày 5/3/2018, giấy biên nhận vay tiền đề ngày 28/3/2018, ý kiến của các đương sự, có cơ sở xác định ngày 17/12/2017 chị Nguyễn Thanh H và anh Đặng Viết X, chị Hà Thị Thu T có lập giấy bán, cho tặng xe viết tay, thể hiện anh X và chị T bán cho chị H xe ô tô BKS 22A – 04461 với số tiền 500.000.000 đồng, anh X đã nhận số tiền là 150.000.000 đồng, chị H sẽ trả nốt số tiền còn lại anh X vay ở Ngân hàng, anh X bàn giao xe cho chị H vào ngày 05/01/2018 khi hoàn tất thủ tục tại Ngân hàng và tại phòng Công chứng số 1 tỉnh Tuyên Quang; tại giấy mượn xe ô tô ngày 05/01/2018 thể hiện anh X mượn xe ô tô BKS 22A – 04461 hẹn đến ngày 11/01/2018 trả cho chị H, tại giấy hẹn trả xe ngày 5/3/2018 thể hiện anh X hẹn đến ngày 15/3/2018 trả xe và làm thủ tục trả Ngân hàng, công chứng chiếc xe cho chị H. Do việc mua bán xe ô tô không thành, nên ngày 28/3/2018 chị H và anh X, chị T thống nhất chuyển khoản tiền anh X đã nhận của chị H là 150.000.000 đồng sang mục đích vay tiền để nhập sữa bột, anh X, chị T có viết Giấy biên nhận vay tiền số tiền là 150.000.000 đồng, không thoả thuận lãi suất, thoả thuận thời hạn trả tiền được trả thành 02 lần, lần một anh X, chị T trả 50.000.000 đồng vào ngày 06/4/2018, lần 2 trả số tiền còn lại 100.000.000 đồng vào ngày 03/6/2018. Nhưng sau đó, anh X và chị T không trả tiền cho chị H. Tại phiên toà chị H yêu cầu anh X và chị T có nghĩa vụ trả cho chị H số tiền gốc 150.000.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất Ngân hàng Nhà nước công bố là 0,75%/tháng, tính từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả tiền đến ngày xét xử, cụ thể: Tiền lãi của số tiền gốc 50.000.000đ x 0,75%/tháng x 01 tháng 26 ngày (từ ngày 07/4/2018 đến ngày 03/6/2018) = 700.000 đồng; tiền lãi của số tiền gốc 150.000.000đ x 0,75%/tháng x 10 tháng (từ ngày 04/6/2018 đến ngày 5/4/2019 tính tròn là 10 tháng) = 11.250.000đ, tổng tiền lãi là 11. 950.000 đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi là 161.950.000 đồng, anh X và chị T mỗi người trả ½ số tiền cho chị H. Do đó đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi

kiện của chị H, buộc anh X và chị T mỗi người có nghĩa vụ trả $\frac{1}{2}$ tổng số tiền cả gốc và lãi 161.950.000 đồng.

[3] Về ý kiến của anh Đặng Viết X xác định ngày 10/7/2017 anh chỉ vay chị H vay số tiền 100.000.000 đồng, thoả thuận lãi suất là 5.000.000đ/ một tuần, anh Viết giấy vay tiền xong đưa cho chị H, chị H đưa cho anh X 95.000.000đ (trừ luôn 5.000.000 đồng tiền lãi lần đầu tiên), sau đó anh X đã trả được một số lần tiền lãi, anh X không nhớ cụ thể đã trả cho chị H được bao nhiêu tiền, nhưng anh X đã trả khoảng 160.000.000 đồng tiền lãi và tiền phạt quá hạn, trong đó có một số tiền lãi anh X chuyển khoản qua Ngân hàng Viettinbank. Khi không trả được gốc và lãi tiếp cho chị H, ngày 17/12/2017 anh X đến nhà chị H khất nợ, chị H yêu cầu anh viết giấy bán xe ô tô, đến ngày 07/3/2018 chị H bắt nợ 01 bộ bàn ghế và 01 chiếc ti vi, việc chị H bảo anh Bình lấy bộ bàn ghế và chiếc ti vi được sự đồng ý của anh X, nhưng giữa anh X và chị H chưa thoả thuận gì về giá cả bộ bàn ghế và chiếc ti vi. Ngày 28/3/2018 vợ chồng chị H lên nhà yêu cầu anh X viết lại giấy vay tiền tổng cả gốc và lãi là 150.000.000 đồng và không trả lại anh giấy tờ gốc anh đã viết trước đó, ngày 06/04 anh có trả cho chị H 10.000.000 đồng, tại khu quảng trường Nguyễn Tất Thành.

Về ý kiến của chị Hà Thị Thu T xác định tại giấy biên nhận vay tiền đề ngày 28/3/2018 do anh Đặng Viết X viết và ký, nội dung vợ chồng chị T có vay của chị Nguyễn Thanh H số tiền là 150.000.000 đồng, về thời hạn trả theo như giấy vay tiền là đúng, tại giấy vay tiền có chữ ký chị T. Tuy nhiên số tiền trên vợ chồng chị T đã trả 10.000.000 đồng, chị không nhớ thời gian trả tiền và chị cũng không lưu giữ giấy trả tiền vì chồng chị là người trả tiền cho chị H. Ngoài số, chị H còn đến nhà chị lấy đi 01 bộ bàn ghế gỗ trị giá 50.000.000 đồng và 01 chiếc ti vi trị giá 10.000.000 đồng, việc chị H lấy đồ không có biên bản thoả thuận và không có giấy tờ gì.

Hội đồng xét xử xét thấy việc anh Đặng Viết X xác định ngày 10/7/2017 chỉ vay chị H số tiền 100.000.000 đồng, thoả thuận lãi suất là 5.000.000đ/một tuần, chị H đưa cho anh X 95.000.000đ (trừ luôn 5.000.000 đồng tiền lãi tuần đầu tiên). Chị H không thừa nhận, anh X không xuất trình tài liệu chứng cứ chứng minh, nên không có căn cứ chấp nhận.

Việc anh X xác định đã trả cho chị H khoảng 160.000.000 đồng tiền lãi và tiền phạt quá hạn, trong đó có một số tiền lãi anh X chuyển khoản qua Ngân hàng Viettinbank và một số tiền lãi trả trực tiếp cho chị H. Chị H xác định trước thời điểm viết giấy biên nhận vay tiền ngày 28/3/2018 anh X có vay tiền của chị một số lần, chị không nhớ vay bao nhiêu lần và tổng số tiền là bao nhiêu, mỗi lần vay một ít nên không viết giấy tờ gì. Sau đó anh X có trả cho chị H xong qua tài khoản Ngân hàng chứ không là tiền lãi của khoản tiền 150.000.000 đồng anh X vay của chị H. Tại cơ quan Công an anh X cung cấp 01 bản sao kê chi tiết của Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh Tuyên Quang, thể hiện từ ngày 09/10/2017 đến ngày 16/01/2018 anh X đã 10 lần chuyển vào tài khoản của chị H với tổng số tiền là 60.000.000 đồng, nhưng không thể hiện đây là số tiền trả lãi cho chị H, ngoài ra anh X không xuất trình tài liệu chứng cứ nào khác chứng minh, nên

không có căn cứ chấp nhận đây là khoản tiền lãi của khoản tiền vay theo giấy biên nhận vay tiền ngày 28/3/2018 để giải quyết trong vụ án này. Anh X có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác nếu có căn cứ.

Việc anh X và chị T xác định đã trả cho chị H 10.000.000 đồng, anh X xác định trả ngày 06/04 tại khu quảng trường Nguyễn Tất Thành và chị H bắt nợ 01 bộ bàn ghế và 01 chiếc ti vi của anh X, chị T vào trước thời điểm viết giấy biên nhận vay tiền ngày 28/3/2018, nhưng chưa xác định giá trị. Chị H không thừa nhận việc anh X trả số tiền 10.000.000 đồng, anh X và chị T không xuất trình tài liệu chứng cứ chứng minh, nên không có căn cứ chấp nhận. Về bộ bàn ghế và 01 chiếc ti vi chị H xác định là mua của anh X với giá 30.000.000 đồng và đã trả tiền xong cho anh X, anh X và chị T không xuất trình tài liệu chứng cứ chứng minh và nội dung này trước thời điểm viết giấy biên nhận vay tiền ngày 28/3/2018, nên chưa đủ căn cứ chấp nhận để trừ vào số tiền 150.000.000 đồng theo giấy biên nhận vay tiền ngày 28/3/2018. Anh X, chị T có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác nếu có căn cứ.

[4]. Anh Đặng Viết X và chị Hà Thị Thu T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 147, 227 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 463, 466 và Điều 357 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thanh H.

Buộc anh Đặng Viết X và chị Hà Thị Thu T có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thanh H tổng số tiền là 161.950.000 đ (Một trăm sáu mươi một triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng), trong đó tiền gốc là 150.000.000 đ (Một trăm năm mươi triệu đồng), tiền lãi là 11. 950.000 đ (Mười một triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng). Chia ra anh Đặng Viết X có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thanh H số tiền 80.975.000đ (Tám mươi triệu chín trăm bảy mươi lăm nghìn đồng), chị Hà Thị Thu T có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thanh H số tiền 80.975.000đ (Tám mươi triệu chín trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí: Anh Đặng Viết X phải nộp 4.048.750đ (Bốn triệu không trăm bốn mươi tám nghìn bảy trăm năm mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Chị Hà Thị

Thu T phải nộp 4.048.750đ (Bốn triệu không trăm bốn mươi tám nghìn bảy trăm năm mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch

Chị Nguyễn Thanh H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho chị Nguyễn Thanh H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.762.500đ (Ba triệu bảy trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0000115 ngày 11/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

3. Nguyên đơn có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

"Trưởng hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND TP. Tuyên Quang (02 bản);
- Chi cục THADS TP. Tuyên Quang;
- Các đ-ơng sự;
- L-ưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Hoàng Mạnh Tuấn